

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:13/2021/HS-ST
Ngày 23 - 3 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Chuộng

Ông Bùi Quốc Huy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Nền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã K, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:03/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2021 và các Thông báo V/v thay đổi thời gian xét xử số 02,03 vào các ngày 05 tháng 02 năm 2021 và ngày 03 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Đỗ Văn M, sinh năm 1990. Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn N, xã X, huyện K1, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ M1 và bà Lưu Thị C; Có vợ: Phạm Thị H, có 01 con sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: - Tại Bản án HSST số 81/2020 ngày 22/4/2020 của TAND thành phố Thanh Hóa xử phạt Đỗ Văn M 07 năm 03 tháng tù; Ngày 30/7/2020 tại Bản án số 206/2020/HSPT, TAND tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm xử phạt Đỗ Văn M 06 năm 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- Tại Bản án HSST số 40/2020 ngày 07/12/2020 của TAND thành phố Bắc Ninh xử phạt Đỗ Văn M 07 năm 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt 06 năm 06 tháng tù của Bản án số 206/2020/HSPT ngày 30/7/2020 của TAND tỉnh Thanh Hóa, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung

của cả hai Bản án là 14 năm tù. Ngày 11/01/2021 TAND thành phố Bắc Ninh ra Quyết định thi hành án số 89/2021/QĐ-CA.

Hiện bị cáo đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Ninh Khánh – Bộ Công an. Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu B, phường M1, thị xã K, tỉnh Hải Dương

Có mặt tại phiên tòa

Người làm chứng: Ông Đỗ M1, sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện K1, tỉnh Ninh Bình

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2020, Đỗ Văn M lợi dụng sự khan hiếm khẩu T y tế trong tình hình lây nhiễm dịch bệnh covid 19, nắm bắt được nhu cầu mua khẩu T y tế của người dân, mặc dù không có khẩu T y tế bán, nhưng M đã lập tài khoản facebook “Khẩu T Y Tế” và đăng số điện thoại của M là 0389117399, qua mạng xã hội giả làm người có khẩu T y tế bán và đề nghị người mua chuyển tiền vào tài khoản của M rồi chiếm đoạt tiền.

Ngày 18/02/2020 chị Phạm Thị T, đã dùng tài khoản facebook cá nhân của mình là “Kho sỉ Phạm T (Dũng)” nhắn tin tới tài khoản facebook “Khẩu T Y Tế” và gọi điện tới số điện thoại 0389117399 của M để đặt mua 02 thùng khẩu T y tế. Sau khi nói chuyện, M và chị T thống nhất giá bán là 15.000.000 đồng/ thùng (01 thùng = 50 hộp, 01 hộp = 50 chiếc), tổng số tiền là 30.000.000 đồng. M yêu cầu chị T phải chuyển tiền vào tài khoản của M trước rồi mới lên đơn xuất hàng, chị T đồng ý. M cho chị T số tài khoản của M là 2111205145602 tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Bắc Hải Phòng. Chị T gửi cho M địa chỉ nhận hàng là Phạm Thị T, Cầu Đá Vách, Hoàng Thạch, Hải Dương, số điện thoại liên hệ là 0912556968. Sau đó, chị

T đến quầy giao dịch Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Hoàng Thạch, địa chỉ tại M1, K, Hải Dương chuyển 10.000.000 đồng vào số tài khoản trên của M, đồng thời chị T sử dụng ứng dụng Internet Banking trên điện thoại di động chuyển 20.000.000 đồng từ số tài khoản 46210001001012 tới số tài khoản 2111205145602 của M. Sau khi nhận được tiền, M đã rút ra và chi tiêu cá nhân hết. Do không nhận được khẩu T y tế chị T nhiều lần gọi điện, nhắn tin đến số điện thoại của M nhưng không liên lạc được, nên chị T có đơn trình báo đến Công an thị xã K.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Phạm Thị T yêu cầu M bồi thường số tiền 30.000.000 đồng, M đã nhờ bố là ông Đỗ M1 bồi thường cho chị T số tiền 5.000.000đ.

Chiếc điện thoại M sử dụng liên lạc với chị T, M đã làm mất, cơ quan điều tra không thu giữ được. Kết quả tra cứu điện thoại xác định thuê bao số: 0389117399 mang tên bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1969, địa chỉ: A, A1, Hải Phòng, qua làm việc bà Đ cho biết bà chưa bao giờ sử dụng số điện thoại 0389117399, bà không quen biết ai là Đỗ Văn M.

Quá trình điều tra bị cáo Đỗ Văn M đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng, cùng các tài liệu liên quan đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an thị xã K thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 28/01/2021, VKSND thị xã K truy tố bị cáo Đỗ Văn M về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Đỗ Văn M vẫn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Người bị hại chị Phạm Thị T giữ nguyên yêu cầu M phải có trách nhiệm bồi thường cho chị số tiền còn lại là 25.000.000 đồng và đề nghị HĐXX xem xét về trách nhiệm hình sự đối với M theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K đề nghị Hội đồng xét xử, quyết định: Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn M về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đề nghị áp dụng điểm c khoản 3 Điều 174; Điều 38; điểm b,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Văn M từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, tổng hợp hình phạt 14 (mười bốn) năm tù của bản án số 40/2020/HSST ngày 07/12/2020 của TAND thành phố Bắc Ninh, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án từ 21 năm đến 21 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/3/2020.

Ngoài ra quan điểm đại diện VKS còn đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết về trách nhiệm dân sự và án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã đ- ọc thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã K, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Đỗ Văn M vẫn khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng, cùng các tài liệu liên quan đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an thị xã K thu thập có trong hồ sơ vụ án, nên đã có đủ cơ sở để kết luận: Đầu năm 2020, lợi dụng tình hình lây nhiễm dịch bệnh covid 19, nhu cầu về khẩu T y tế tăng cao, mặc dù không có hoạt động sản xuất, không có nguồn hàng khẩu T y tế, Đỗ Văn M thông qua mạng xã hội vẫn lập tài khoản Facebook có tên “Khẩu T y Tế” giới thiệu đăng tin kinh doanh dịch vụ mặt hàng khẩu T y tế. Ngày 18/02/2020, chị Phạm Thị T tin là thật nên đặt mua 02 thùng khẩu T y tế với giá 30.000.000đ và chuyển tiền vào tài khoản của M, sau khi nhận tiền, M đã không giao khẩu T như đã thỏa thuận, tắt điện thoại chiếm đoạt toàn bộ số tiền 30.000.000đ của chị Phạm Thị T trong tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, trước đó ngày 01/02/2020 Thủ tướng Chính phủ đã phải ra Quyết định số 173/QĐ-TTg về việc công bố dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona gây ra, tính chất, mức độ nguy hiểm, nguy cơ ở mức độ khẩn cấp toàn cầu. Do vậy, VKSND thị xã K rút hồ sơ đề nghị truy tố bị cáo Đỗ Văn M về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo Đỗ Văn M là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, không những vậy còn gây mất trật tự trị an xã hội nói chung và tại địa bàn phường M1 nói riêng. Do vậy hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý nghiêm mới đảm bảo tính nghiêm M của pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ quá trình thực hiện hành vi phạm tội và nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy: Bị cáo có một nhân thân xấu, bằng thủ đoạn gian dối bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, trục lợi mặt hàng khẩu T y tế trong tình hình dịch bệnh, do vậy tại Bản án số 206/2020/HSPT ngày 30/7/2020 TAND tỉnh Thanh Hóa xử phạt Đỗ Văn M 06 năm 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 07/12/2020, tại Bản án HSST số 40/2020 của TAND thành phố Bắc Ninh xử phạt Đỗ Văn M 07 năm 06 tháng tù đều về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tổng hợp hình phạt 06 năm 06 tháng tù của Bản án số 206/2020/HSPT ngày 30/7/2020 của TAND tỉnh Thanh Hóa, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai Bản án là 14 năm tù. Bằng thủ đoạn gian dối tương tự bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của chị T, trục lợi mặt hàng khẩu T y tế trong tình hình dịch bệnh, thị trường khan hiếm khẩu T y tế. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm tương xứng về hành vi và hậu quả bị cáo đã gây ra. Song cũng nên xem xét, quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; cùng tác động tới gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả một phần cho bị hại, nên cần xem xét, áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b,s khoản 1 Điều 51 BLHS để quyết định hình phạt đối với bị cáo là phù hợp. Song dù có xem xét, giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự cho bị cáo đến đâu, với tính chất, quá trình thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo nên cần buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian nhất định mới đủ đảm bảo quy định của pháp luật. Áp dụng Điều 56 BLHS, tại Bản án này cần tổng hợp hình phạt với Bản án số 40/2020/HSST ngày 07/12/2020 của TAND thành phố Bắc Ninh là phù hợp.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét về điều kiện, nhân thân của bị cáo nên không đặt ra hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Xét yêu cầu của chị Phạm Thị T buộc bị cáo Đỗ Văn M có trách nhiệm trả cho chị số tiền còn lại là 25.000.000đ là phù hợp, cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án thì bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 174; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; khoản 1 điều 48; Khoản 2 Điều 56 của Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu nộp án phí và lệ phí Tòa án.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Đỗ Văn M 7 (bảy) năm 3 (ba) tháng tù, tổng hợp hình phạt 14 (mười bốn) năm tù của bản án số 40/2020/HSST ngày 07/12/2020 của TAND thành phố Bắc Ninh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 21 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/3/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đỗ Văn M có trách nhiệm trả cho chị Phạm Thị T số tiền còn lại là 25.000.000đ (Hai năm triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị T có đơn yêu cầu thi hành khoản tiền trên mà bị cáo M chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí: Buộc bị cáo Đỗ Văn M phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.250.000đ tiền án phí dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt bị cáo, người bị hại. Tòa án báo cho bị cáo, người bị hại biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã K;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS thị xã K;
- Công an thị xã K;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo; Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền